

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12/2026/LĐ-ST**

Ngày: 22 - 4 - 2026

“V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Ông Phạm Hồng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 14/2025/TLST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc *“Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-LĐ ngày 16/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-LĐ ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ I, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô N, đường số F, KCN H, phường L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Woo Jang G; chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông An Yong H1; chức vụ: Giám đốc (Giấy uỷ quyền ngày 31/12/2024); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH M1, địa chỉ: Lô A, KCN H, phường L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: IKEDA KAZUMOTO; chức danh: Chủ tịch Công ty; vắng mặt lần thứ hai.

2/ Bảo hiểm xã hội thành phố M; địa chỉ: D X, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí Đ; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T; chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia (Văn bản uỷ quyền số 179/BHXXH-QLT-PTNTG ngày 15/01/2026); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H là công nhân Công ty TNHH M, bà tham gia lao động từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 3 năm 2010 thì bà nghỉ sinh (theo quy định nghỉ sinh là 06 tháng, nhưng bà nghỉ sinh chỉ có 03 tháng). Lý do nghỉ sinh 03 tháng là khi bà vào nhận việc tại Công ty TNHH M, bà đã mang thai cho nên đến khi bà nghỉ sinh thì Công ty trả lời không tính bảo hiểm sinh sản cho bà, đồng thời sẽ không cho bà tiếp tục lao động tại Công ty. Vì vậy, sau 03 tháng bà tiếp tục xin việc làm ở công ty khác.

Từ tháng 6 năm 2010 bà tham gia lao động tại công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M1); vào thời gian này bà đã không còn lao động tại Công ty TNHH M nhưng nhân viên, quản lý phía Công ty TNHH M có sự nhầm lẫn và vẫn tiếp tục đóng bảo hiểm cho bà. Như vậy trong tháng 06 năm 2010, Công ty TNHH M và Công ty TNHH M1 cùng thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà, dẫn đến việc trùng sổ bảo hiểm xã hội và bà không thực hiện được các thủ tục liên quan Bảo hiểm xã hội.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 7/2010 là vô hiệu và bà H không yêu cầu xử lý hậu quả hợp của hợp đồng vô hiệu.

** Bị đơn là Công ty TNHH M đã được triệu tập họp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Tại Công văn số 14/CV/BASAO ngày 31/12/2025, Công ty TNHH M đề nghị Toà án giải quyết vụ việc và tuyên bố hợp đồng giữa Công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị H là vô hiệu theo quy định của pháp luật. Do thời gian khá lâu nên việc lưu giữ

hồ sơ của bà Nguyễn Thị H bị thất lạc. Hiện tại, Công ty không tìm thấy hồ sơ của bà Nguyễn Thị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M1 mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.*

** Tại Công văn số 182/BHXXH-QLT-PTNTG ngày 15/01/2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/4/1991, căn cước công dân số 048191008346, có các mã số BHXH sau:

Mã số BHXH NV90022326 có quá trình đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ 6/2010 đến 7/2010 (02 tháng) tại Công ty Đ1.

Số BHXH 4811042005 có quá trình đóng BHXH, BHTN từ 8/2011 đến 7/2012 (01 năm) tại Công ty TNHH M.

Số BHXH 4813031197 có quá trình đóng BHXH, BHTN tháng 9/2013 (01 tháng) tại Công ty Cổ phần K.

Số BHXH 4810009404 có quá trình đóng BHXH, BHTN từ 9/2009 đến 9/2010, từ 8/2011 đến 01/2012 tại Công ty TNHH M; từ 11/2014 đến 7/2018 tại một thành viên T1; từ 9/2018 đến 2/2020 tại Công ty TNHH P; từ 7/2021 đến 11/2022 tại Công ty TNHH M; từ 5/2023 đến 3/2024 tại Công ty TNHH M2, tổng cộng là 08 năm 11 tháng.

Những mã số BHXH NV90022326, 4811042005, 4813031197 đã được gộp vào mã số BHXH 4810009404.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4:***

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH M với bà Nguyễn Thị H là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị đơn Công ty TNHH may mặc Ba Sao và Bảo hiểm xã hội thành phố M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 là vô hiệu do người lao động không tham gia ký kết hợp đồng lao động và không lao động thực tế tại Công ty nhưng phía công ty vẫn đóng bảo hiểm xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy, dù nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, bị đơn Công ty TNHH M không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M1 không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, tại Công văn 182/BHXX-QLT-PTNTG ngày 15/01/2026, Bảo hiểm xã hội thành phố M xác định bà Nguyễn Thị H có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Đ1 từ 6/2010 đến 7/2010 (02 tháng), Mã số BHXH NV90022326. Đồng thời bà Nguyễn Thị H có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2009 đến 9/2010, Sổ BHXH 4810009404.

Như vậy, thực tế từ tháng 06/2010, bà H đã chấm dứt lao động thực tế tại Công ty TNHH M và bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M1).

Việc Công ty TNHH M tiếp tục đóng BHXH cho bà H trong thời gian này là không đúng bản chất của quan hệ lao động (không có sự thỏa thuận về việc làm, không có việc điều hành và trả lương thực tế). Căn cứ Điều 49 và Điều 50 Bộ luật Lao động việc duy trì Hợp đồng lao động trên giấy tờ và đóng Bảo hiểm xã hội khi không có quan hệ lao động thực tế là vi phạm nguyên tắc tự nguyện và trung thực. Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH M cũng đã thừa nhận sai sót và đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 là vô hiệu là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không yêu cầu xử lý hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 49, 50, 51, 188, 220 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 là vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã

nộp theo biên lai thu số 0007021 ngày 12/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan riêng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Lê Đức Thọ